

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÒN ĐẤT  
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 58/2022/DS-ST.

Ngày: 20/7/2022.

V/v: “T/c chia di sản thừa kế”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Văn An**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Đoạt

2. Bà Phạm Hồng Gái

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** – Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Minh Hậu** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 64/2017/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2017 về việc: “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*”. Theo Thông báo mở lại phiên tòa số: 10/2022/TB -TA ngày 31 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2022/QĐST –DS ngày 20/6/2022 giữa các đương sự:

*1/ Nguyên đơn:* Ông **Đoàn Hùng C**, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: tổ 1, ấp Vạn Thanh, xã Thổ Sơn, huyện HĐ, tỉnh KG.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Ông **Phạm Anh V** – Văn phòng Luật sư Phạm Anh V3 – thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt).

*2/ Bị đơn:* Bà **Đoàn Thị H**, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Ranh Hát, xã Bình Giang, huyện HĐ, tỉnh KG.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Luật sư **Tiêu Tường T** – Văn phòng Luật sư Tiêu Tường Thái – thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt).

*3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:*

3.1. Bà **Đoàn Thị D**, sinh năm 1951 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 1, ấp Vạn Thanh, xã Thổ Sơn, huyện HĐ, tỉnh KG

3.2. Bà **Đoàn Thị L**, sinh năm 1957 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Ranh Hát, xã Bình Giang, huyện HĐ, tỉnh KG.

3.3. Ông **Đoàn Văn V1**, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Kinh Tư, xã Bình Giang, huyện HĐ, tỉnh KG.

*4/ Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

4.1. Bà Ngô Thị L1, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 1, ấp Vạn Thanh, xã Thổ Sơn, huyện HĐ, tỉnh KG

4.2. Bà Đoàn Thị Đ, sinh năm 1948 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Kinh Tư, xã Bình Giang, huyện HĐ, tỉnh KG

4.3. Bà Đoàn Thị N, sinh năm 1965 (có mặt).

4.4. Ông Đoàn Hòa T, sinh năm 1983 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4.5. Bà Lưu Thị Ngọc Y, sinh năm 1988 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Ranh Hát, xã Bình Giang, huyện HĐ, tỉnh KG

4.6. Ông Mai Văn T2, sinh năm 1950 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Kinh Tư, xã Bình Giang, huyện HĐ, tỉnh KG.

4.7. Ông Hồ Hữu P, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Kinh Tư, xã Bình Giang, huyện HĐ, tỉnh KG.

4.8. Ông V1 Văn V3, sinh năm 1965 (chồng bà H - có mặt).

Địa chỉ: ấp Ranh Hát, xã Bình Giang, huyện HĐ, tỉnh KG.

4.9. Ủy ban nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Minh K. Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện Hòn Đất (vắng mặt).

Địa chỉ: khu phố Đường Hòn, thị trấn Hòn Đất, huyện HĐ, tỉnh KG

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*\* Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đoàn Hùng C trình bày như sau:*

Ông ngoại của ông Đoàn Hùng C tên là Đoàn Văn Bàng, sinh năm 1921, chết năm 2005 và bà ngoại của ông tên là Lê Thị Hai (Chị), sinh năm 1919, chết năm 2001. Cụ Bàng và cụ Hai có 07 người con gồm: Đoàn Thị Đ, Đoàn Thị D, Đoàn Thị L, Đoàn Văn V1, Đoàn Thị H, Đoàn Thị N và Đoàn Thị Bè (bà Bè chết năm 1998, có một người con tên Đoàn Hòa T).

Ông C là con ruột của bà Đoàn Thị D, từ nhỏ đến lớn ông C sống với cụ Bàng, cụ Hai và chăm sóc hai cụ đến khi chết. Khi còn sống cụ Bàng và cụ Hai tạo lập được một số tài sản chung gồm:

- Tài sản 1: Một căn nhà sườn gỗ thao lao, mái lợp tol tít xi măng, nhà có quy cách rộng 6m, dài khoảng 12m, cất trên phần đất thổ cư có chiều ngang 20m, dài 20m, đất tọa lạc tại ấp Ranh Hát, xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Nhà và đất có vị trí mặt tiền cặp QL 80, mặt hậu cặp mé sông Rạch Giá – Hà Tiên, đất chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Căn nhà và phần đất hiện nay bà Đoàn Thị H đang quản lý, sử dụng.

- Tài sản 2: Đất nông nghiệp tại ấp Ranh Hát, xã Bình Giang (đối diện với nhà ở nêu trên) diện tích 8.666m<sup>2</sup> đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất tên Đoàn Văn Bàng, theo đo đạc thực tế thì phần đất trên có diện tích là 3.276m<sup>2</sup>. Phần đất này hiện nay bà Đoàn Thị H đang quản lý, sử dụng.

- Tài sản 3: Phần đất nông nghiệp có diện tích 53.000m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại ấp Kinh Tư, xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Phần tài sản này trước khi chết cụ Bàng và cụ Hai đã phân chia như sau:

- + Ông Đoàn Văn V1 được chia 20.000m<sup>2</sup>;
- + Bà Đoàn Thị L được chia 10.000m<sup>2</sup>;
- + Bà Đoàn Thị N được chia 10.000m<sup>2</sup>;
- + Bà Đoàn Thị H được chia 10.000m<sup>2</sup>;

+ Bà Đoàn Thị Đ được chia 3.000m<sup>2</sup>;

Bà Đoàn Thị D (mẹ ông C) chưa được nhận tài sản nào của cụ Bàng và cụ Hai.

Trước khi chết cụ Bàng có viết tờ di chúc đề ngày 22/02/2001 với nội dung cho ông Đoàn Hùng C được hưởng tài sản 1 và tài sản 2. Tuy nhiên từ khi cụ Bàng chết cho đến nay, bà Đoàn Thị H đã tự ý bao chiếm toàn bộ hai phần tài sản trên, bà H tự ý tháo dỡ nhà cũ cất lên nhà mới và sử dụng cho đến nay. Việc bà H quản lý, sử dụng toàn bộ phần đất mà cụ Bàng đã cho ông C theo di chúc cụ Bàng lập ngày 22/02/2001 là không đúng.

Do đó ông Đoàn Hùng C yêu cầu công nhận di chúc của cụ Đoàn Văn Bàng lập ngày 22/02/2001 là hợp pháp. Buộc bà Đoàn Thị H giao trả lại phần tài sản số 2 với diện tích theo đo đạc thực tế là 3.276m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại ấp Ranh Hát, xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang và giao phần đất có diện tích 108,3m<sup>2</sup> (ngang 4,9m, dài từ QL 80 đến mé sông RG – HT là 25,5m) nằm trong phần tài sản số 1 mà hiện nay bà Đoàn Thị H đang quản lý, sử dụng.

*\* Theo đơn khởi kiện yêu cầu độc lập và tại phiên tòa bà Đoàn Thị D, ông Đoàn Văn V1 và bà Đoàn Thị L trình bày như sau:*

Bà Đoàn Thị D, ông Đoàn Văn V1 và bà Đoàn Thị L là con ruột của cụ Đoàn Văn Bàng và cụ Lê Thị Hai, cụ Bàng chết năm 2005 và cụ Hai chết năm 2001. Cụ Bàng và cụ Hai có 7 người con gồm: Đoàn Thị Đ, Đoàn Thị D, Đoàn Thị L, Đoàn Văn V1, Đoàn Thị H, Đoàn Thị N và Đoàn Thị Bè (bà Bè chết năm 1998) có một người con tên Đoàn Hòa T. Khi chết cụ Bàng và cụ Hai không để lại di chúc đối với tài sản 1 và tài sản 2. Do đó bà D, ông V1 và bà L khởi kiện yêu cầu chia di sản của cụ Bàng và cụ Hai để lại theo pháp luật. Bà D, ông V1 và bà L yêu cầu chia đều các tài sản trên là 7 phần, bà D, ông V1 và bà L mỗi người nhận 1 phần bằng giá trị. Riêng đối với tài sản 3 các ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án, tại các bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn bà Đoàn Thị H trình bày như sau:*

Bà Đoàn Thị H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông C. Khi cụ Bàng và cụ Chi (Hai) chết có để lại các tài sản như ông C trình bày là đúng. Tuy nhiên việc lập

di chúc lại cho ông C các tài sản trên là hoàn toàn không có, bà được biết ý nguyện của cụ Bàng là để lại tài sản trên cho tất cả các con cháu. Người nào ở trên phần đất này sẽ phải lo thờ cúng cho ông bà cha mẹ. Khi cụ Bàng và cụ Hai chết phần đất thuộc tài sản số 1 và phần đất thuộc tài sản số 2, bà H là người liên tục quản lý, sử dụng, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp. Do đó việc ông Đoàn Hùng C yêu cầu bà phải giao lại tài sản số 1 và một phần tài sản số 2 thì bà không đồng ý.

Tại phiên tòa hôm nay ông Đoàn Hùng C xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện thì bà H không có ý kiến. Riêng đối với yêu cầu độc lập của bà D, bà L và ông V1 thì bà H không đồng ý. Nếu ai muốn vào ở trong ăn nhà và sử dụng phần tài sản số 1 thì phải tính toán trả lại các chi phí cho bà H.

*\* Tại các bản khai và quá trình làm việc tại Tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày như sau:*

- Bà Đoàn Thị N: Cha bà là ông Đoàn Văn Bàng và bà Lê Thị Chỉ (Hai) có 7 người con và có để lại các tài sản như ông C trình bày là đúng. Khi chết bà và các anh chị em không biết cụ Bàng có để lại di chúc. Theo bà thì di chúc phía anh C cung cấp không phải chữ ký và cũng không phải ý chí của cụ Bàng. Khi cụ Bàng còn sống có nói với bà là nhà đất của cha mẹ để lại sau này đứa nào ở thì phải chịu trách nhiệm thờ cúng. Bà thấy từ ngày cha mẹ bà chết thì bà H đã sử dụng di sản cha mẹ rất hợp lý, thờ cúng chu đáo. Do đó bà đề nghị tiếp tục giao cho bà H quản lý sử dụng các tài sản trên, bà không yêu cầu quyền lợi gì cho bà. Bà N từ chối nhận di sản do cụ Bàng và cụ Hai để lại, không yêu cầu chia di sản thừa kế này.

- Bà Đoàn Thị Đ: Cha bà là ông Đoàn Văn Bàng và bà Lê Thị Chỉ (Hai) có 7 người con và có để lại các tài sản như ông C trình bày là đúng. Bà không biết có di chúc để lại tài sản cho ông C hay không, bà cũng không khẳng định chữ ký trong tờ di chúc đó có phải của cụ Bàng hay không. Đối với tranh chấp giữa các bên bà không có ý kiến và cũng không có yêu cầu gì cho bà. Bà Đ từ chối nhận di sản do cụ Bàng và cụ Hai để lại, không yêu cầu chia di sản thừa kế này.

- Ông Đoàn Hòa T trình bày: Mẹ của ông Đoàn Hòa T là bà Đoàn Thị Bè đã chết vào năm 1998. Ông T là người con duy nhất của bà Bè, ngoài ông T ra thì không

còn người con nào khác. Nay giữa các bên tranh chấp như thế nào thì ông không có ý kiến gì. Đối với di sản mà ông Bàng, bà Hai thì ông T đã được chia phần, ông T từ chối nhận di sản do cụ Bàng và cụ Hai để lại, không yêu cầu chia di sản thừa kế này.

- Bà Ngô Thị L1: Bà L1 đồng ý với lời trình bày của ông Đoàn Hùng C. Bà L1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ông V1 Văn V3: Ông V3 thống nhất với ý kiến trình bày của bà H. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông C, bà D, bà L và ông V1. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

\* *Tình tiết đương sự đã thống nhất:* Tại phiên tòa các đương sự thống nhất với tờ trích đo địa chính số TĐ 11-2019 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hòn Đất lập ngày 05/3/2019 và kết quả định giá của Công ty thẩm định giá Miền Nam để Tòa án làm cơ sở giải quyết vụ án. Các đương sự không yêu cầu Tòa án tiến hành đo đạc và định giá lại toàn bộ phần đất tranh chấp.

Tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn là ông Đoàn Hùng C tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện, ông không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo nội dung đơn khởi kiện.

Tại phiên tòa hôm nay phía bà Đoàn Thị H và bà Đoàn Thị D, ông Đoàn Văn V1 và bà Đoàn Thị L đã tự nguyện thỏa T với nhau như sau: phía bà Đoàn Thị H sẽ giao cho bà Đoàn Thị D số tiền là 70.000.000 đồng, giao cho ông Đoàn Văn V1 số tiền là 30.000.000 đồng và giao cho bà Đoàn Thị L số tiền là 30.000.000 đồng (số tiền trên tương đương với 01 kỷ phần mà các đồng thừa kế được hưởng). Các bên thống nhất trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày 20/7/2022 đến ngày 20/8/2022 sẽ tiến hành giao nhận số tiền trên. Phía bà D, ông V1 và bà L sẽ không tranh chấp đối với các di sản cụ Bàng và cụ Hai để lại nữa.

\* Ý kiến phát biểu của Vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Đoàn Hùng C: tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn ông C xác định tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc chia di sản thừa kế do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận, đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Hùng C.

\* Ý kiến phát biểu của Vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Đoàn Thị H: do tại phiên tòa hôm nay giữa bà H và bà D, bà L, ông V1 đều tự nguyện thỏa T về các vấn đề giải quyết vụ án. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ghi nhận sự tự nguyện thỏa T giữa các đương sự.

*\* Tại phiên tòa vị đại diện VKS phát biểu quan điểm:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Hùng C do nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện. Ghi nhận sự tự nguyện giữa các đương sự theo đó phía bà Đoàn Thị H sẽ giao cho bà Đoàn Thị D số tiền là 70.000.000 đồng, giao cho ông Đoàn Văn V1 số tiền là 30.000.000 đồng và giao cho bà Đoàn Thị L số tiền là 30.000.000 đồng (các phần tiền này tương đương 01 kỷ phần mà bà D, bà L và ông V1 được hưởng). Thời gian các bên giao nhận số tiền này là vào ngày 20/8/2022. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông Đoàn Hùng C; Đồng thời buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên do các đương sự đã trên 60 tuổi nên đề nghị HĐXX miễn án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Đoàn Hùng C khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Đoàn Văn Bàng và cụ Lê Thị Hai. Tài sản thừa kế tọa lạc tại ấp Ranh Hát, xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp về di sản thừa kế, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tổ tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: bà Đoàn Thị Đ, ông Đoàn Hòa T, bà Lưu Thị Ngọc Y, ông Mai Văn T2 có đơn xin xét xử vắng mặt, phía UBND huyện Hòn Đất đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] *Về nội dung vụ án*: Cụ Đoàn Văn Bàng (chết năm 2005) và cụ Lê Thị Hai (tên gọi khác là Lê Thị Chỉ) (chết năm 2001). Hai cụ có 07 người con chung gồm: Đoàn Thị Đ, Đoàn Thị D, Đoàn Thị L, Đoàn Văn V1, Đoàn Thị H, Đoàn Thị N và Đoàn Thị Bè (bà Bè chết năm 1998) có một người con tên Đoàn Hòa T. Khi chết cụ Bàng và cụ Hai để lại các di sản gồm:

- Tài sản số 01: Phần đất có diện tích 515,2m<sup>2</sup> bao gồm thửa 1 có diện tích: 108,3m<sup>2</sup>; thửa 2 có diện tích: 198,9m<sup>2</sup> và thửa 3 có diện tích: 208m<sup>2</sup> (theo tờ trích đo địa chính số TĐ 11-2019 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hòn Đất lập ngày 05/3/2019). Trên phần đất tại thửa số 2 có nhà ở của anh Đoàn Hòa T, trên thửa đất số 3 trước đây có căn nhà sườn gỗ thao lao, mái lợp tol tít xi măng, nhà có diện tích 6m x 12m do cụ Bàng xây cất, tuy nhiên sau khi cụ Bàng và cụ Hai chết thì bà H quản lý sử dụng, quá trình sử dụng bà H đã tôn tạo, sửa chữa lại căn nhà nên hiện trạng căn nhà đã thay đổi như hiện tại. Thửa đất số 1 là đất trống không có nhà ở. Các phần đất nêu trên có vị trí mặt tiền giáp QL 80, mặt hậu giáp mé sông Rạch Giá – Hà Tiên.

- Tài sản số 02: Diện tích đất nông nghiệp theo đo đạc thực tế là 3.276m<sup>2</sup>, phần đất thuộc thửa số 06, tờ bản đồ số 02 được UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 28/3/2003 tên Đoàn Văn Bàng, đất tọa lạc tại ấp Ranh Hát, xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Giấy chứng nhận QSD đất bản chính hiện nay phía bà Đoàn Thị H đang quản lý.

- Tài sản số 3: Phần đất nông nghiệp có diện tích 53.000m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại ấp Kinh Tư, xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Phần tài sản này trước khi chết cụ Bàng và cụ Hai đã phân chia như sau:

- + Ông Đoàn Văn V1 được chia 20.000m<sup>2</sup>;
- + Bà Đoàn Thị L được chia 10.000m<sup>2</sup>;
- + Bà Đoàn Thị N được chia 10.000m<sup>2</sup>;
- + Bà Đoàn Thị H được chia 10.000m<sup>2</sup>;
- + Bà Đoàn Thị Đ được chia 3.000m<sup>2</sup>;

Ông Đoàn Hùng C là cháu ngoại của cụ Bàng và cụ Hai (con của bà Đoàn Thị D) căn cứ vào nội dung tờ di chúc do cụ Bàng lập ngày 22/2/2001 để khởi kiện bà Đoàn Thị H (Dì) vì bà H là người đang quản lý di sản số 1 và số 2 để yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc.

\* Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn ông Đoàn Hùng C tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Việc rút lại yêu cầu khởi kiện của ông C là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó HĐXX xem xét đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

\* Xét yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Đoàn Thị D, bà Đoàn Thị L và ông Đoàn Văn V1 thấy rằng: Khi chết cụ Bàng và cụ Hai để lại các di sản gồm tài sản 1, số 2 và số 3 (đã phân chia trước đây rồi), tính đến thời điểm hiện tại các con của cụ Bàng và cụ Hai đều xác định cụ Bàng và cụ Hai không để lại di chúc. Do đó việc bà D, bà L và ông V1 yêu cầu chia di sản cụ Bàng và cụ Hai để lại theo pháp luật là có cơ sở để chấp nhận.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Bàng và cụ Hai gồm: Bà Đoàn Thị Đ, Đoàn Thị D, Đoàn Thị L, Đoàn Văn V1, Đoàn Thị H và Đoàn Thị N. Bà Đoàn Thị Bè chết trước cụ Bàng và cụ Hai, anh Đoàn Hòa T là con duy nhất của bà Bè nên anh T là người thừa kế thế vị của bà Bè.

Quá trình làm việc và tại phiên tòa bà Đoàn Thị Đ, bà Đoàn Thị N và anh Đoàn Hòa T từ chối nhận các di sản này và không có yêu cầu Tòa án giải quyết đối với di sản thừa kế cụ Bàng và cụ Hai để lại.

Tại phiên tòa bà Đoàn Thị D, bà Đoàn Thị L và ông Đoàn Văn V1 yêu cầu được chia giá trị diện tích đất tại thửa số 3 (tài sản số 1) và giá trị diện tích đất 3.276m<sup>2</sup>, thửa số 06, tờ bản đồ số 02 được UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 28/3/2003 tên Đoàn Văn Bàng (tài sản số 2) làm 7 phần, bà D, bà L và ông V1 mỗi người 1 phần. Các tài sản còn lại gồm phần đất tại thửa số 1, thửa số 2 cùng các công trình vật kiến trúc trên phần đất và tài sản số 3 thì yêu cầu giữ nguyên hiện trạng và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó HĐXX không xem xét đối với các tài sản này.

Theo kết quả định giá của Công ty cổ phần và thông tin thẩm định giá Miền Nam thì phần đất là di sản của cụ Bàng và cụ Hai tại thửa số 3 có giá trị là 174.720.000 đồng và phần đất có diện tích 3.276m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 06, tờ bản đồ số 02 được UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 28/3/2003 tên Đoàn Văn Bàng có giá trị là 144.144.000 đồng. Tổng cộng hai di sản trên có giá trị là 318.864.000 đồng. Căn cứ vào hàng thừa kế thứ nhất thì di sản của cụ Bàng và cụ Hai sẽ được chia làm 7 kỷ phần bằng nhau cho các đồng thừa kế là bà Đoàn Thị Đ, Đoàn Thị D, Đoàn Thị L, Đoàn Văn V1, Đoàn Thị H, Đoàn Thị N và anh Đoàn Hòa T, như vậy mỗi kỷ phần có giá trị là 45.552.000 đồng. Xét thấy toàn bộ các tài sản trên hiện nay bà H đang quản lý, sử dụng nên cần buộc bà Đoàn Thị H giao trả giá trị của từng kỷ phần mà các đồng thừa kế được hưởng theo quy định.

Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay phía bà Đoàn Thị H và bà Đoàn Thị D, ông Đoàn Văn V1 và bà Đoàn Thị L đã tự nguyện thỏa T với nhau về vấn đề chia di sản thừa kế này, cụ thể: phía bà Đoàn Thị H sẽ tự nguyện giao cho bà Đoàn Thị D số tiền là 70.000.000 đồng, giao cho ông Đoàn Văn V1 số tiền là 30.000.000 đồng và giao cho bà Đoàn Thị L số tiền là 30.000.000 đồng (các phần tiền này tương đương 01 kỷ phần mà phía bà D, bà L và ông V1 được nhận). Các bên thống nhất trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày 20/7/2022 đến ngày 20/8/2022 sẽ tiến hành giao nhận số tiền này. Do đó HĐXX ghi nhận sự tự nguyện thỏa T giữa các đương sự.

Đối với bà Đ, bà N và ông T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay không có yêu cầu Tòa án giải quyết phần di sản cụ Bàng và cụ Hai để lại, trong đó bà Đ, bà N và ông T từ chối nhận phần di sản thừa kế mà mình được hưởng nên kỷ phần của các đồng thừa kế này HĐXX miễn xét. Giao cho bà H tiếp tục quản lý các di sản thừa kế là các tài sản số 1 và số 2.

Ý kiến trình bày của các Vị luật sư là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật và diễn biến khách quan tại phiên tòa nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[4] *Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi định giá tài sản:* Phía nguyên đơn ông Đoàn Hùng C tự nguyện chịu số tiền này và đã thực hiện xong.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc bà Đoàn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.500.000 đồng; buộc bà Đoàn Thị L và ông Đoàn Văn V1 mỗi người phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 1.500.000 đồng.

- Buộc bà Đoàn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

- Hoàn trả lại cho ông Đoàn Hùng C toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 674, 675, 676, 677, 685 của Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 357, khoản 1 Điều 217 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội.

**\* Tuyên xử:**

1/. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Hùng C đối với yêu cầu chia chúc của cụ Đoàn Văn Bàng và cụ Lê Thị Hai theo tờ di chúc lập ngày 22/02/2001.

2/. Công nhận tài sản số 1 có diện tích là  $108,3m^2$  tại thửa số 01, tại thửa số 03 có diện tích là  $208m^2$  và tài sản số 2 có diện tích diện tích  $3.276m^2$ , các phần đất đều tọa lạc tại ấp Ranh Hát, xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang là di sản thừa kế của cụ Đoàn Văn Bàng và cụ Lê Thị Hai để lại.

3/. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa T giữa bà Đoàn Thị H với bà Đoàn Thị D, bà Đoàn Thị L và ông Đoàn Văn V1. Đến ngày 20/8/2022 bà H sẽ giao cho bà Đoàn Thị D số tiền 70.000.000 đồng, giao cho bà Đoàn Thị L số tiền 30.000.000 đồng và giao cho ông Đoàn Văn V1 số tiền 30.000.000 đồng.

Nếu đến thời gian ngày 20/8/2022 mà phía bà Đoàn Thị H không giao đủ hoặc giao không đủ số tiền như đã thỏa T thì phía bà Đoàn Thị D, bà Đoàn Thị L và ông Đoàn Văn V1 có quyền yêu cầu Cơ quan T2 hành án T2 hành số tiền này.

Kể từ ngày người được T2 hành án có đơn yêu cầu T2 hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải T2 hành án chậm T2 hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm T2 hành được xác định theo khoản 2 Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4/. Giữ nguyên hiện trạng phần đất có diện tích là  $108,3m^2$  tại thửa số 01, phần đất có diện tích là  $208m^2$  tại thửa số 03 (tài sản số 1) và phần đất có diện tích  $3.276m^2$  (tài sản số 2) thuộc quyền sở hữu của bà Đoàn Thị H. Các phần đất này đều tọa lạc tại ấp Ranh Hát, xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

4.1. Đối với phần đất có diện tích là  $108,3m^2$  tại thửa số 01, phần đất có diện tích là  $208m^2$  tại thửa số 03 (tài sản số 1) đều nằm trong hành lang an toàn giao thông đường bộ và phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi nên tiếp tục tạm giao cho bà Đoàn Thị H tiếp tục quản lý sử dụng phần đất nêu trên. Khi nào bà H có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về đất đai thì bà Đoàn Thị H có quyền làm thủ tục kê khai đăng ký

đến các cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận QSD đất theo đúng quy định của pháp luật.

(Kèm theo tờ trích đo địa chính số 11 -2019 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hòn Đất lập ngày 05/3/2019).

4.2. Đối với phần đất có diện tích 3.276m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại ấp Ranh Hặt, xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (tài sản số 2) khi nào bà H có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất đối với thửa đất nêu trên thì bà H có quyền làm thủ tục kê khai đăng ký đến các cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận QSD đất theo đúng quy định của pháp luật.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định ngày 15/7/2015 của Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Hòn Đất và giấy chứng nhận QSD đất số V888696 do UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 28/3/2003 đứng tên hộ ông (bà) Đoàn Văn Bàng).

#### 5/. Về án phí DSST:

- Hoàn trả cho ông Đoàn Hùng C toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.100.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 05656 ngày 16/9/2014 tại Chi cục T2 hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc bà Đoàn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.500.000 đồng; buộc bà Đoàn Thị L và ông Đoàn Văn V1 mỗi người phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 1.500.000 đồng. Tuy nhiên các đương sự thuộc trường hợp được miễn án phí (người cao tuổi) nên được miễn.

- Buộc bà Đoàn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Tuy nhiên bà H thuộc trường hợp được miễn án phí (người cao tuổi) nên được miễn.

- Hoàn trả cho bà Đoàn Thị D số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000624 ngày 03/01/2018 tại Chi cục T2 hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Hoàn trả cho bà Đoàn Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000625 ngày 03/01/2018 tại Chi cục T2 hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Hoàn trả cho ông Đoàn Văn V1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000626 ngày 03/01/2018 tại Chi cục T2 hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

5/. Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi định giá tài sản: Phía nguyên đơn ông Đoàn Hùng C tự nguyện chịu số tiền này và đã thực hiện xong.

6/. Quyền kháng cáo: Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

*Trường hợp bản án, quyết định được T2 hành theo quy định tại Điều 2 Luật T2 hành án dân sự thì người được T2 hành án dân sự, người phải T2 hành án dân sự có quyền thỏa T2 hành án, quyền yêu cầu T2 hành án, tự nguyện T2 hành án hoặc bị cưỡng chế T2 hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật T2 hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu T2 hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T2 hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.*

**Nơi nhận:**

- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Văn An**